

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2020.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa Chị Phạm Thị Mỹ L
với Anh Trần Nguyễn Phước J”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Quỳ.

2. Ông Nguyễn Hoàng Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ ấp An A, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

- ***Bị đơn:*** Anh Trần Nguyễn Phước J, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ ấp T, xã X, huyện Đ, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 13 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Chị Phạm Thị Mỹ L trình bày: : Năm 2017, qua mai mối và sau một thời gian tìm hiểu được sự đồng ý của hai gia đình, chị và Anh Trần Nguyễn Phước J tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Trung An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc và có 01 con chung, cháu Trần Phạm G, sinh ngày 15/7/2018, hiện cháu sống cùng với chị. Thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, đời sống hôn nhân của hai vợ chồng khủng hoảng trầm trọng nên vợ chồng ly thân đã hơn 08 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, vợ chồng không thể hàn gắn, không còn yêu

thương lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh J.

- Về nuôi con chung: Chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu G đến tuổi trưởng thành, yêu cầu anh J cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 lượng vàng 24k, 01 bộ vòng 03 chỉ vàng 18k, 01 tủ áo trị giá 8.000.000đồng. Tất cả tài sản trên do anh J quản lý, chị yêu cầu chia đôi tài sản chung, đối với 01 cái tủ chị nhận giá trị.

- Nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Anh Trần Nguyễn Phước J trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị về thời gian tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, nuôi con chung, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, tài sản chung, nghĩa vụ chung. Tuy nhiên, đối với tài sản chung 02 lượng vàng 24k, 01 bộ vòng 03 chỉ vàng 18k, anh đã tiêu xài hết, không còn nên không đồng ý chia, riêng 01 tủ anh thống nhất trị giá 8.000.000đồng và anh đang quản lý. Nếu chị đoàn tụ thì anh mua lại 02 lượng vàng 24k, 03 chỉ vàng 18k cho chị quản lý. Chị cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và đồng ý giao con chung cháu G cho chị tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Phạm Thị Mỹ L với Anh Trần Nguyễn Phước J; Về con chung: Công nhận anh J đồng ý giao cháu Trần Phạm G, sinh ngày 15/7/2018 cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, buộc anh J cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 08/2020; Tài sản chung: Chia đôi tài sản chung gồm 02 lượng vàng 24k (tương đương 98.000.000đồng), 03 chỉ vàng 18k (tương đương 11.000.000đồng) và 01 tủ áo trị giá 8.000.000đồng, tổng trị giá tài sản chung 117.000.000đồng. Buộc anh J giao lại cho Chị L số tiền 58.500.000đồng; Nghĩa vụ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của Chị Phạm Thị Mỹ L thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án đã tổ chức hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành nên cần đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa Chị Phạm Thị Mỹ L và Anh Trần Nguyễn Phước J là hợp pháp. Chị L và anh J tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị L và anh J có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, đời sống hôn nhân của hai vợ chồng khủng hoảng trầm trọng nên vợ chồng ly thân đã hơn 08 tháng nay nhưng không có biện pháp hàn gắn, hiện tại không ai quan tâm đến ai. Anh J cũng thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng và đồng ý ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị L và anh J là phù hợp.

[3] *Về con chung, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Phạm G, sinh ngày 15/7/2018. Công nhận anh J đồng ý giao cháu Bảo cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tại phiên tòa, anh J không đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh J tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng chứng minh anh có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng nên cần buộc anh J cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng đến khi cháu G đủ 18 tuổi là phù hợp, thời điểm cấp dưỡng nuôi con từ tháng 8/2020.

[4] *Về chia tài sản chung*: Chị L và anh J thống nhất khi cưới cha, mẹ cho vợ chồng 02 lượng vàng 24k, 01 bộ vòng 03 chỉ vàng 18k, 01 tủ áo trị giá 8.000.000đồng, tài sản do anh J quản lý (giá vàng ngày 10/7/2020 vàng 24k giá 4.900.000đồng/chỉ, giá vàng 18k là 3.668.000đồng/chỉ). Chị L yêu cầu chia đôi tài sản chung trong khi anh J cho rằng đã tiêu xài hết số vàng cưới nên không đồng ý chia đôi số vàng, anh thống nhất chia tủ áo trị giá 8.000.000đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi kết hôn Chị L và John đều có công việc ổn định, Chị L và anh J làm thuê được người thuê bao ăn ở lương mỗi tháng hai vợ chồng 7.000.000đồng do anh J giữ, ngoài ra vợ, chồng được cha mẹ cho mượn 07 công ruộng và vợ, chồng còn thuê thêm 14 công ruộng để canh tác lúa. Do đó, thu nhập của hai vợ chồng ổn định, việc anh khai tiêu xài hết số vàng cưới là không có cơ sở để chấp nhận. Mặt khác, anh J khai nếu vợ chồng đoàn tụ anh sẽ mua đủ số vàng cưới cha mẹ cho để chị Lai quản lý, điều đó chứng tỏ anh còn quản lý số tài sản này nên cần chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của Chị L, buộc anh J giao lại cho chị Lai 01 lượng vàng 24k tương đương 49.000.000đồng, 1,5 chỉ vàng 18k tương đương 5.500.000đồng, ½ giá trị tủ áo là 4.000.000đồng, tổng cộng anh J phải giao tương ứng số tiền 58.500.000đồng là phù hợp.

[5] *Về nghĩa vụ chung*: Chị L và anh J xác định không có.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Phạm Thị Mỹ L phải nộp 300.000đồng án phí.

- Án phí cấp dưỡng: Anh J phải nộp 300.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L, anh J mỗi người phải nộp 2.925.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị L được cản trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 38, Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Phạm Thị Mỹ L với Anh Trần Nguyễn Phước J.

2. Về con chung và nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Trần Phạm G, sinh ngày 15/7/2018. Công nhận anh J đồng ý giao cháu Bảo cho Chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh J cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 08/2020.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh J không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh J không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì Chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh J.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của Chị Phạm Thị Mỹ L. Buộc Anh Trần Nguyễn Phước J giao trả ½ tài sản chung cho Chị L trị giá 58.500.000đồng.

4. Nghĩa vụ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 013135 ngày 27 tháng 5 năm 2020 thành tiền án phí.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải nộp 2.925.000đồng án phí, Chị L được căn trừ số tiền 1.325.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 013134 ngày 27/5/20120, Chị L còn phải nộp thêm 1.600.000đồng. Anh Trần Nguyễn Phước J phải nộp 2.925.000đồng án phí dân sự và 300.000đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng anh J phải nộp 3.225.000đồng án phí. Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Trung An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**